

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phúc Viễn.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Diệu H**, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Phong V**, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diệu H trình bày:*

Chị và anh V quen biết, tự nguyện cưới nhau năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L theo giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 10/9/2002. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2021, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung trong

cuộc sống. Nay xét tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Huỳnh Phong V vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.*

Quá trình giải quyết vụ án, anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và không đến Tòa án.

* Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và bị đơn đang cư trú tại ấp Q, xã L, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị H có đơn xin vắng mặt, anh V là bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3.1] Về nội dung tranh chấp: Chị H cho rằng chị và anh V có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh V. Về con chung, chị và anh V không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của chị H:

[4.1] Về hôn nhân: Chị H và anh V cưới nhau năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78 ngày 10/9/2002, nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị H và anh V mâu thuẫn thời gian kéo dài từ năm 2021, vợ chồng không có tiếng nói chung. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Chị H và anh V hiện đã không còn sống chung. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, anh V không đến Tòa án dù đã được triệu tập nhiều lần, cho thấy anh V không muốn hàn gắn đoàn tụ với chị H. Điều đó thể hiện mục đích hôn nhân giữa chị H và anh V không đạt được,

mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 8, 9, 19, 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Diệu H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diệu H được ly hôn với anh Huỳnh Phong V.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007172 ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tuyền

